

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-PT

Ngày 23 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hạnh và ông Dương Hà Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con; tranh chấp vay tài sản*”,

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 20-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2026/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2026/QĐ-HNGĐPT ngày 10 tháng 3 năm 2026.

1. Nguyên đơn: Ông Phan Tiến Đ; địa chỉ: Tổ E, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Trí T và ông Nguyễn Đình C; cùng địa chỉ: Số C N, phường E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Châu Thị Tố N; địa chỉ: Tổ E, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Vũ L; địa chỉ: Tổ dân phố D, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bà Trần Thị Phượng V; địa chỉ: Tổ dân phố D, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Tiến Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà N đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2024 tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Hai ông bà kết hôn hợp pháp, tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phan Châu Bảo T1, sinh ngày 02/02/2012 và Phan Châu Bảo Q, sinh ngày 19/01/2021. Ông Đ yêu cầu giao cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Ông Đ đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 4.000.000 đồng/tháng/02 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung liên quan đến yêu cầu độc lập của ông Đinh Vũ L, bà Trần Thị Phụng V: Quá trình giải quyết vụ án ông Đ thừa nhận có vay của ông L và bà Trần Thị Phụng V số tiền là 1.300.000.000 đồng, đây khoản vay chung của ông Đ và bà N. Thời gian vay là ngày 12/8/2024, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất 18.5%/năm. Tại buổi làm việc ngày 22/7/2025, ông Đ đồng ý trả nợ cho ông L và bà V số tiền nợ là 1.300.000.000 đồng. Đối với ý kiến của bà N về việc cho rằng ông Đ sử dụng số tiền 1.300.000.000 đồng vào mục đích riêng, ông Đ không đồng ý, yêu cầu bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung với ông Đ.

2. Bị đơn bà Châu Thị Tố N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N thống nhất về quan hệ hôn nhân như trình bày của ông Đ. Bà N đồng ý được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phan Châu Bảo T1, sinh ngày 02/02/2012 và Phan Châu Bảo Q, sinh ngày 19/01/2021. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng số nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 10.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung liên quan đến yêu cầu độc lập của ông L, bà V: Quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông L số tiền là 1.300.000.000 đồng. Thời gian vay là ngày 12/8/2024, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất 18.5%/tháng. Tuy nhiên bà N cho rằng bà chỉ ký vào hợp đồng vay nhưng không thụ hưởng số tiền vay nêu trên mà ông Đ là người sử dụng tiền vào mục đích cá nhân. Vì vậy bà N không đồng ý chịu trách nhiệm chung với ông Đ trả khoản nợ trên cho ông Đinh Vũ L và bà Trần Thị Phụng V.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Đinh Vũ L và bà Trần Thị Phụng V trình bày: Năm 2021, ông L và bà V cho ông Đ, bà N vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 10.500.000 đồng/tháng. Ngày 13/01/2023, ông L và bà V cho ông Đ, bà N vay số tiền là 1.000.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất. Ngày 30/01/2023, ông L và bà V ký kết hợp đồng vay tiền với ông Đ, bà N, số tiền là 1.300.000.000 đồng. Ngày 12/8/2024, các bên huỷ bỏ hợp đồng vay tiền ngày 30/01/2023 và ký kết một hợp đồng vay tiền mới, số tiền vay là 1.300.000.000

đồng, lãi suất: 18,5%/năm, thời hạn vay là 05 tháng. Tại biên bản làm việc ngày 22/7/2025, ông L, bà V, ông Đ, bà N đã thống nhất với nhau số tiền còn nợ ông L, bà V là 1.300.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông L và bà V rút một phần yêu cầu độc lập đối phần tiền lãi, chỉ yêu cầu ông Đ và bà N trả cho ông L số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, Tại phiên tòa ông L, bà V yêu cầu ông Đ, bà N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ nêu trên. Cụ thể Cụ thể ông Đ phải trả cho ông L, bà V số tiền 650.000.000 đồng; bà N phải trả cho ông L, bà V số tiền 650.000.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 20-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng quyết định: tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tiến Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Tiến Đ ly hôn chị Châu Thị Tố N.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Châu Bảo T1, sinh ngày 02/02/2012 và Phan Châu Bảo Q, sinh ngày 19/01/2021 cho bà Châu Thị Tố N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Phan Châu Bảo T1 và Phan Châu Bảo Q, mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/01 con chung/tháng, tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng/02 con chung/tháng, việc cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Thời gian cấp dưỡng: Khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đinh Vũ L và bà Trần Thị Phượng V đối với việc ông Đ, bà N phải trả cho ông L, bà V số tiền lãi là 120.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Vũ L và bà Trần Thị Phượng V: Buộc ông Phan Tiến Đ và bà Châu Thị Tố N trả cho ông Đinh Vũ L, bà Trần Thị Phượng V số tiền là 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*). Trong đó chia theo phần ông Đ và bà N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền số tiền nợ tương ứng với số tiền 650.000.000 đồng là phù hợp. Cụ thể ông Đ phải trả cho ông L, bà V số tiền 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*); bà N phải trả cho ông L, bà V số tiền 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Châu Thị Tố N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Châu Thị Tố N thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Về nội dung: Tòa án sơ thẩm ban hành Bản án Dân sự sơ thẩm là không đúng với quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình nên cần sửa

lại cho phù hợp. Đồng thời, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 của TAND khu vực 6 - Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà Châu Thị Tố N kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí do đó Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý vụ án để xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Tòa án sơ thẩm ban hành Bản án Dân sự sơ thẩm là không đúng với quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hôn nhân gia đình do đó HĐXX xác định lại là Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo: Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Vũ L và chị Trần Thị Phượng V về nợ chung thể hiện: Năm 2011 anh Đ, chị N kết hôn, tháng 7/2023 anh chị ly hôn, sau đó tháng 24/6/2024 anh chị đăng ký kết hôn lại. Ngày 12/8/2024, anh Đ và chị N cùng ký hợp đồng vay tiền của anh L và chị V số tiền 1.300.000.000 đồng với lãi suất 18,5%/năm, thời hạn vay 05 tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ, chị N đều xác nhận có ký nhận khoản nợ như trên trong thời kì hôn nhân. Chị N cho rằng tuy có ký tên vào hợp đồng vay nhưng không được sử dụng số tiền vay, anh Đ sử dụng vào mục đích cá nhân nên không đồng ý cùng trả nợ. Tuy nhiên, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện hợp đồng vay có chữ ký của cả anh Đ và chị N đồng T2 chị N1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bị ép buộc hoặc chứng cứ thể hiện anh Đ sử dụng tài sản vào mục đích riêng, không liên quan đến gia đình. Căn cứ theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình, vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới trong các giao dịch do cả hai cùng xác lập đồng thời tại Điều 288 của BLDS, trong trường hợp nghĩa vụ liên đới, bên có quyền có thể yêu cầu bất kỳ người nào thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Do đó, có đủ căn cứ xác định khoản nợ vay 1.300.000.000 đồng là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Đ và chị N mỗi người chịu 1/2 khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của anh L, chị V.

[3]. Việc chị N kháng cáo vì cho rằng không được sử dụng khoản vay chung đồng thời tại giai đoạn phúc thẩm không cung cấp được chứng cứ mới là không có cơ sở để được chấp nhận.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bà Châu Thị Tố N1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 308, điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Châu Thị Tố N về quan hệ hôn nhân, con chung và cấp dưỡng đối với con chung.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Châu Thị Tố N. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 20/9/2025 của TAND khu vực 6 - Lâm Đồng: Tuyên xử:

1. Căn cứ Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Vũ L và bà Trần Thị Phượng V: Buộc ông Phan Tiến Đ và bà Châu Thị Tố N trả cho ông Đinh Vũ L, bà Trần Thị Phượng V số tiền là 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*). Trong đó chia theo phần ông Đ và bà N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền số tiền nợ tương ứng với số tiền 650.000.000 đồng. Cụ thể ông Đ phải trả cho ông L, bà V số tiền 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*); bà N phải trả cho ông L, bà V số tiền 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông L, bà V có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà ông Đ và bà N không trả số tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/QĐ-BPKCTT ngày 19/3/2025 cho đến khi ông Phan Tiến Đ và bà Châu Thị Tố N thi hành án xong.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Tiến Đ chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do chị Trần Thị T3 nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0007328 ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa (*nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Lâm Đồng*). Ông Phan Tiến Đ phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại Thi hành dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Ông Đ và bà N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 51.000.000 đồng (*năm mươi một triệu đồng*). Ông Đ, bà N mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền 51.000.000 đồng, cụ thể ông Đ phải chịu 25.500.000 đồng (*hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*), bà N phải chịu 25.500.000 đồng (*hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*), nộp tại Thi hành dân sự tỉnh Lâm Đồng. Trả lại cho ông Đinh Vũ L số tiền tạm ứng án phí 27.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007334 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa (*nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 tỉnh Lâm Đồng*).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Châu Thị Tố N1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai số 0000661 ngày 17 tháng 7 năm 2025.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- TAND KV06 - Lâm Đồng;
- VKSND KV06 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV06 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Chương